

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINACONEX SÀI GÒN

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 15 - 43 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303156197, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 39104803
- Fax : (08) 39104485

Nhà máy bê tông Vinaconex Long An

- Địa chỉ : Tỉnh lộ 830, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, Long An
- Điện thoại : (072) 3640369
- Fax : (072) 3640686

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông, bê tông dự ứng lực, sản phẩm từ xi măng-bê tông-kim loại, vữa, sản phẩm bê tông đúc sẵn, ống cống, cọc bê tông cốt thép, xi măng, vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh điện;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, kho tàng, bến bãi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước;
- Xây dựng hệ thống điện đến 35KV, thủy điện;
- Thi công lắp đặt hệ thống kỹ thuật điện, cơ điện lạnh công trình;
- Kinh doanh nhà ở;
- Đầu tư các dự án;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch;
- Kinh doanh phương tiện vận tải;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng, phương tiện vận tải;
- Đại lý cho các hãng, các tổ chức sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán lương thực, thực phẩm;
- Mua bán nông lâm sản;
- Mua bán hàng may mặc, giày dép;
- Mua bán hàng gốm sứ, hàng điện tử, thủy tinh;
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nông nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Bán buôn hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy, báo khói, camera quan sát, chống trộm;



- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, pháp luật);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lập tổng dự toán, dự toán công trình;
- Quản lý dự án, giám sát thi công và kiểm định chất lượng công trình;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm (trừ hoạt động cho thuê lại lao động);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (trừ hoạt động cho thuê lại lao động);
- Kinh doanh du lịch;
- Đào tạo nghề;
- Tư vấn du học;
- Sản xuất, chế biến, khai thác khoáng sản (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh);
- Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép công trình công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình công nghiệp như nhà máy lọc dầu, xưởng hóa chất, công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng đường hầm;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy, báo khói, camera quan sát, chống trộm (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Các dịch vụ dạy kèm;
- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;
- Trồng hoa, cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở);
- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt (trừ dịch vụ xông hơi khử trùng);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông – lâm nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (không hoạt động tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đỗ Trọng Quỳnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Phạm Văn Ngọ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014 |
| Bà Nguyễn Lan Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Phạm Quang Long | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Phạm Huy Diễn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Kiên Trung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Phi Năng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Văn Ngọ | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2014 |
| Ông Phạm Quang Long | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Gia Nhân | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2012 |
| Ông Phạm Huy Diễn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2014 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Ngọ - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Phạm Văn Ngộ
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 13 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0196/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vinaconex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2015, Tập đoàn chưa ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cũng như chưa phân bổ chi phí san lấp mặt bằng của Nhà máy bê tông Vinaconex Long An vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm với số tiền lần lượt là 4.729.233.816 VND và 571.556.196 VND. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chưa trích lập đầy đủ dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền cần trích lập bổ sung là 992.211.999 VND.

Ngoài ra, Tập đoàn chưa ghi nhận ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ của kiểm toán viên trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2015 và các vấn đề làm cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2016 của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Vinaconex 27 khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 và năm 2016.

Nếu Tập đoàn thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao, phân bổ chi phí san lấp mặt bằng, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, quá hạn thanh toán, dự phòng khoản lỗ đầu tư vào công ty liên kết và đúng niên độ thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 các khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221), “Chi phí trả trước dài hạn” (mã số 261) sẽ cùng giảm xuống lần lượt là 4.729.233.816 VND và 571.556.196 VND, “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (mã số 137) và “Giá trị hao mòn lũy kế” (mã số 223) sẽ cùng tăng lên lần lượt là 992.211.999 VND và 4.729.233.816 VND, “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” (mã số 252) sẽ giảm lần lượt là 1.307.000.063 VND và 3.654.592.700 VND. Đồng thời khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” (mã số 421a) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ cùng giảm xuống là 9.947.594.711 VND, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” (mã số 421b) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng lên 2.347.592.637 VND, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số liệu năm nay tăng lên 2.347.592.637 VND và năm trước sẽ giảm xuống một khoản là 6.293.002.011 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 36.283.523.473 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 63.601.111.638 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1257-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 52.487.781.258 | 46.942.220.627 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 4.734.345.122 | 3.872.539.437 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 4.734.345.122 | 3.872.539.437 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 27.755.611.305 | 21.614.292.309 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 36.880.823.006 | 27.835.983.661 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.067.151.033 | 6.516.877.865 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 14.274.599.304 | 14.728.392.821 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (27.466.962.038) | (27.466.962.038) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 18.997.824.831 | 20.042.800.743 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 18.997.824.831 | 20.042.800.743 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 412.588.138 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 412.588.138 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 106.254.339.838 | 113.647.935.322 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 12.424.907 | 12.529.084 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 12.424.907 | 12.529.084 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 65.590.917.103 | 70.113.220.118 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 64.109.945.803 | 68.632.248.818 |
| - Nguyên giá | 222 | | 95.787.774.277 | 95.210.268.032 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (31.677.828.474) | (26.578.019.214) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 1.480.971.300 | 1.480.971.300 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.480.971.300 | 1.480.971.300 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 205.894.546 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | - | 205.894.546 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.307.000.063 | 3.654.592.700 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 1.307.000.063 | 3.654.592.700 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 39.343.997.765 | 39.661.698.874 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11 | 39.343.997.765 | 39.661.698.874 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 158.742.121.096 | 160.590.155.949 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 123.403.970.819 | 123.101.293.611 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 116.088.892.896 | 115.786.215.688 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 16.342.392.202 | 15.344.226.963 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 121.288.900 | 9.605.195.502 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 2.490.923.442 | 1.514.937.006 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 790.065.417 | 422.263.290 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 3.296.280.617 | 3.331.374.505 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 43.933.689.620 | 38.564.763.419 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 49.109.675.361 | 46.995.177.666 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 4.577.337 | 8.277.337 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.315.077.923 | 7.315.077.923 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 7.139.125.601 | 7.139.125.601 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.20 | 175.952.322 | 175.952.322 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 35.338.150.277 | 37.488.862.338 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 35.338.150.277 | 37.488.862.338 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 61.014.930.000 | 61.014.930.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 61.014.930.000 | 61.014.930.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21 | 4.927.267.500 | 4.927.267.500 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21 | 5.679.476.250 | 5.679.476.250 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21 | (36.283.523.473) | (34.132.811.412) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (34.132.811.412) | (34.132.811.412) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (2.150.712.061) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 158.742.121.096 | 160.590.155.949 |




TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017



 Lê Thị Thanh Huyền
 Người lập biểu



 Nguyễn Tấn Danh
 Kế toán trưởng



 Phạm Văn Ngộ
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

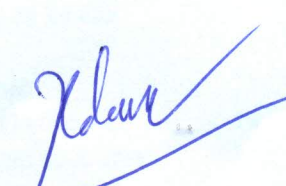
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

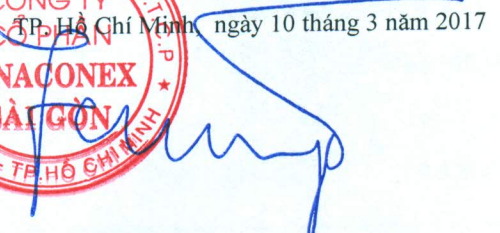
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 84.228.897.380 | 19.044.673.219 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 84.228.897.380 | 19.044.673.219 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 73.697.795.241 | 17.926.921.945 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 10.531.102.139 | 1.117.751.274 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 139.162.440 | 91.395.124 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 6.195.691.252 | 5.451.833.345 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.372.540.902 | 5.257.349.490 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | (2.347.592.637) | 3.589.333 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 4.487.839.849 | 4.251.894.148 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (2.360.859.159) | (8.490.991.762) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 658.000.327 | 607.292.442 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 447.853.229 | 303.166.958 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 210.147.098 | 304.125.484 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (2.150.712.061) | (8.186.866.278) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | - | - |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | (1.201.012.120) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(2.150.712.061)</u> | <u>(6.985.854.158)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>(2.150.712.061)</u> | <u>(6.985.854.158)</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>(352)</u> | <u>(1.145)</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | <u>(352)</u> | <u>(1.145)</u> |


 Lê Thị Thanh Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Tấn Danh
 Kế toán trưởng




 Phạm Văn Ngo
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (2.150.712.061) | (8.186.866.278) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8 | 5.099.809.260 | 631.189.648 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (270.000.000) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3 | (61.558.192) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | V.2b; VI.3 | 2.269.988.389 | (403.217.263) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 5.372.540.902 | 5.257.349.490 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.530.068.298 | (2.971.544.403) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.728.626.681) | 21.908.839.080 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 1.044.975.912 | (9.572.233.635) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (6.460.510.698) | (8.656.076.567) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 317.701.109 | (413.393.913) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18; VI.4 | (722.573.036) | (1.167.413.335) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (3.700.000) | (114.300.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.022.665.096) | (986.122.773) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8, 10 | (371.611.699) | (746.472.862) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 373.636.364 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 763.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 77.604.248 | 69.324.887 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (294.007.451) | 459.488.389 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18a | 41.579.306.452 | 22.689.621.889 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18a | (39.462.386.412) | (26.699.119.714) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>2.116.920.040</i></u> | <u><i>(4.009.497.825)</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 800.247.493 | (4.536.132.209) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 3.872.539.437 | 8.408.671.646 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 61.558.192 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>4.734.345.122</u> | <u>3.872.539.437</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017




Lê Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Tấn Danh
Kế toán trưởng


Phạm Văn Ngộ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bê tông, bê tông dự ứng lực, sản phẩm từ xi măng - bê tông - kim loại, vữa, sản phẩm bê tông đúc sẵn, ống cống, cọc bê tông cốt thép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động xây dựng của Công ty năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do Công ty đang thực hiện công trình xây dựng Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Nam.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Vinaconex Cửu Long có trụ sở chính tại số 1647, Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con này là 100%.

6c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Vinaconex 27 có trụ sở chính tại số 10, đường Nguyễn Văn Tre, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 29,23%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 70 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 43 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sử dụng đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 528 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

815-
TY
HUU
A TU
C
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất tại phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ hết một lần trong năm hợp nhất đầu tiên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 56.660.436 | 174.195.686 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.677.684.686 | 3.698.343.751 |
| Cộng | <u>4.734.345.122</u> | <u>3.872.539.437</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 năm.

Hợp đồng tiền gửi này được dùng với mục đích ký quỹ, làm cơ sở để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp cho Công ty mẹ giấy phép và bảo đảm hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc đảm bảo thực hiện hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá gốc | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | (3.892.999.937) | (1.545.407.300) |
| Cộng | <u>1.307.000.063</u> | <u>3.654.592.700</u> |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400104904, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinaconex 27 5.200.000.000 VND, tương đương 29,23% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 3.654.592.700 | 3.677.983.870 |
| Phần lãi hoặc lỗ | (2.347.592.637) | 3.589.333 |
| Các khoản khác | - | (26.980.503) |
| Số cuối năm | <u>1.307.000.063</u> | <u>3.654.592.700</u> |

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Vinaconex 27 đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu bên liên quan | <u>11.331.731.119</u> | <u>-</u> |
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) | 11.331.731.119 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | <u>25.549.091.887</u> | <u>27.835.983.661</u> |
| Công ty Thi công Cơ giới (MCC) | 9.112.557.734 | 9.112.557.734 |
| Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa | 2.382.320.000 | 2.382.320.000 |
| Ban Quản lý Dự án Trung tâm điện lực Ô Môn | 6.327.789.950 | 6.327.789.950 |
| Ban Quản lý Dự án Xây dựng khu Ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 137.916.854 | 2.826.010.815 |
| Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận | 2.615.670.210 | 2.615.670.210 |
| Công trình Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh ⁽ⁱ⁾ | 1.040.735.874 | 1.040.735.874 |
| Các khách hàng khác | 3.932.101.265 | 3.530.899.078 |
| Cộng | <u>36.880.823.006</u> | <u>27.835.983.661</u> |

(i) Năm 2015 công nợ này được dùng để thế chấp cho khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng AHVN | 2.930.993.969 | 2.930.993.969 |
| Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông Đỗ Linh | - | 1.200.000.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhật Tân | 299.999.115 | 505.625.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ | - | 785.785.920 |
| Công ty TNHH MTV Smart Law | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 436.157.949 | 694.472.976 |
| Cộng | 4.067.151.033 | 6.516.877.865 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh - cho vay nhập khẩu ủy thác vải | 3.274.654.476 | 3.274.654.476 | 3.274.654.476 | 3.274.654.476 |
| Đội xây dựng số 02 - Ông Phạm Tấn Hồng - tạm ứng công trình | 1.669.446.711 | 1.669.446.711 | 1.669.446.711 | 1.669.446.711 |
| Đội xây dựng số 04 - Ông Đặng Hòa Nam - tạm ứng công trình | 1.702.591.376 | 1.702.591.376 | 1.702.591.376 | 1.702.591.376 |
| Công ty TNHH Hải Phú – cho vay nhập khẩu ủy thác máy nghiền đá | 4.268.417.350 | 4.268.417.350 | 4.268.417.350 | 4.268.417.350 |
| Tạm ứng | 1.118.996.190 | - | 1.561.368.076 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.240.493.201 | 2.113.401.073 | 2.251.914.832 | 2.113.401.073 |
| Cộng | 14.274.599.304 | 13.028.510.986 | 14.728.392.821 | 13.028.510.986 |

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|-----------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu khách hàng | | 24.466.444.295 | 13.069.264.886 | | 21.282.501.358 | 9.885.321.949 |
| Công ty Thi công Cơ giới (MCC) | Trên 03 năm | 9.112.557.734 | - | Trên 03 năm | 9.112.557.734 | - |
| Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh | Trên 03 năm | 1.040.735.874 | - | Trên 03 năm | 1.040.735.874 | - |
| Ban Quản lý Dự án Trung tâm điện lực Ô Môn | Trên 03 năm | 6.327.789.950 | 6.327.789.950 | Từ 02 năm đến 03 năm | 6.327.789.950 | 6.327.789.950 |
| Công ty TNHH MTV 508 ⁽ⁱ⁾ | Trên 03 năm | 790.192.000 | 790.192.000 | Trên 03 năm | 790.192.000 | 790.192.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa | Từ 02 năm đến 03 năm | 2.382.320.000 | 2.382.320.000 | Từ 01 năm đến 02 năm | 2.382.320.000 | 2.382.320.000 |
| Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 2.615.670.210 | 2.615.670.210 | | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | Từ 01 năm đến trên 03 năm | 2.197.178.527 | 953.292.726 | Từ 01 năm đến trên 03 năm | 1.628.905.800 | 385.019.999 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|---------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các khoản phải thu khác | | 13.061.230.986 | 32.720.000 | | 13.028.512.986 | - |
| Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh - cho vay nhập khẩu ủy thác vải | Trên 03 năm | 3.274.654.476 | - | Trên 03 năm | 3.274.654.476 | - |
| Đội xây dựng số 02 - Ông Phạm Tấn Hồng – tạm ứng công trình | Trên 03 năm | 1.669.446.711 | - | Trên 03 năm | 1.669.446.711 | - |
| Đội xây dựng số 04 - Ông Đặng Hòa Nam – tạm ứng công trình | Trên 03 năm | 1.702.591.376 | - | Trên 03 năm | 1.702.591.376 | - |
| Công ty TNHH Hải Phú - cho vay nhập khẩu ủy thác máy nghiền đá | Trên 03 năm | 4.268.417.350 | - | Trên 03 năm | 4.268.417.350 | - |
| Các khoản phải thu khác | Từ 01 năm đến trên 03 năm | 2.146.121.073 | 32.720.000 | Từ 01 năm đến trên 03 năm | 2.113.403.073 | - |
| Tạm ứng | | 387.318.585 | 387.318.585 | | 191.167.042 | 191.167.042 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 3.511.271.643 | 470.000.000 | | 3.122.393.683 | 81.122.040 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng AHVN | | 2.930.993.969 | - | | 2.930.993.969 | - |
| Các nhà cung cấp khác | | 580.277.674 | 470.000.000 | | 191.399.714 | 81.122.040 |
| Cộng | | 41.426.265.509 | 13.959.303.471 | | 37.624.573.069 | 10.157.611.031 |

- (i) Công ty mẹ chưa ghi nhận khoản lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2013 đối với Công ty TNHH MTV 508 với số tiền 2.008.669.292 VND do khoản công nợ này đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục pháp lý để thực hiện đòi nợ đối với Công ty này.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 27.466.962.038 | 27.736.962.038 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (270.000.000) |
| Số cuối năm | 27.466.962.038 | 27.466.962.038 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.009.651.824 | - | 3.334.843.676 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 644.792.559 | - | 999.270.490 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 13.746.480.192 | - | 15.111.786.321 | - |
| Thành phẩm | 596.900.256 | - | 596.900.256 | - |
| Cộng | 18.997.824.831 | - | 20.042.800.743 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 55.803.119.249 | 36.023.681.836 | 3.108.109.413 | 255.675.030 | 19.682.504 | 95.210.268.032 |
| Mua trong năm | - | 347.158.986 | - | - | - | 347.158.986 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 230.347.259 | - | - | - | - | 230.347.259 |
| Tăng do quyết toán công trình | 566.005.660 | - | - | - | - | 566.005.660 |
| Giảm do quyết toán công trình | - | (413.032.876) | - | (152.972.784) | - | (566.005.660) |
| Số cuối năm | 56.599.472.168 | 35.957.807.946 | 3.108.109.413 | 102.702.246 | 19.682.504 | 95.787.774.277 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 14.951.554.268 | 1.961.266.310 | 102.702.245 | - | 17.015.522.823 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 5.579.814.862 | 18.635.245.018 | 2.222.013.881 | 140.945.453 | - | 26.578.019.214 |
| Khấu hao trong năm | 2.225.185.719 | 2.563.008.452 | 292.493.484 | 19.121.605 | - | 5.099.809.260 |
| Tăng do quyết toán công trình | 132.757.149 | - | - | - | - | 132.757.149 |
| Giảm do quyết toán công trình | - | (75.392.337) | - | (57.364.812) | - | (132.757.149) |
| Số cuối năm | 7.937.757.730 | 21.122.861.133 | 2.514.507.365 | 102.702.246 | - | 31.677.828.474 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 50.223.304.387 | 17.388.436.818 | 799.428.853 | 201.396.256 | 19.682.504 | 68.632.248.818 |
| Số cuối năm | 48.661.714.438 | 14.834.946.813 | 593.602.048 | - | 19.682.504 | 64.109.945.803 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.066.647.882 đã được thế chấp - để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Hòa.

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 302/18, phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình Nhà máy bê tông Vinaconex Long An. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | |
|---|---------------|
| Số đầu năm | 205.894.546 |
| Tăng do quyết toán công trình | 24.452.713 |
| Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình | (230.347.259) |
| Số cuối năm | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí san lấp mặt bằng | 26.699.145.242 | 25.148.472.288 |
| Chi phí sử dụng đất | 10.719.303.275 | 13.578.844.171 |
| Chi phí sửa chữa | 694.170.848 | 708.173.459 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.231.378.400 | 226.208.956 |
| Cộng | <u>39.343.997.765</u> | <u>39.661.698.874</u> |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ tính thuế với số tiền là 40.326.137.250 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

| | |
|-------------|------------------------------|
| 2012 | 2.449.087.441 |
| 2013 | 1.048.078.487 |
| 2014 | 28.952.419.690 |
| 2015 | 7.842.074.111 |
| 2016 | 17.843.811 |
| Cộng | <u>40.309.503.540</u> |

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả bên liên quan | 552.002.455 | 543.462.805 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 552.002.455 | 543.462.805 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 15.790.389.747 | 14.800.764.158 |
| Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Ngọc Bảo | 6.145.250.112 | 6.145.250.112 |
| Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng và Dịch vụ Sao Đất Việt | 574.346.319 | 819.105.069 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa quốc gia | 1.061.160.000 | 1.061.160.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông Đô Linh | 1.645.127.200 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 6.364.506.116 | 6.775.248.977 |
| Cộng | <u>16.342.392.202</u> | <u>15.344.226.963</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Nợ quá hạn của bên liên quan</i> | 543.462.805 | 543.462.805 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 543.462.805 | 543.462.805 |
| <i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i> | 11.740.966.798 | 10.877.397.990 |
| Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Ngọc Bảo | 6.145.250.112 | 6.145.250.112 |
| Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng và Dịch vụ Sao Đất Việt | 574.346.319 | 819.105.069 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa quốc gia | 1.061.160.000 | 779.560.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.960.210.367 | 3.133.482.809 |
| Cộng | <u>12.284.429.603</u> | <u>11.420.860.795</u> |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | 38.569.000 | 9.522.475.602 |
| Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) | - | 9.483.906.602 |
| Công ty cổ phần Vinaconex 45 | 38.569.000 | 38.569.000 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 82.719.900 | 82.719.900 |
| Ban quản lý dự án xây dựng khu ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | - | - |
| Các khách hàng khác | 82.719.900 | 82.719.900 |
| Cộng | <u>121.288.900</u> | <u>9.605.195.502</u> |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 693.924.542 | 1.370.488.815 | (1.019.312.637) | 1.045.100.720 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 8.790.886 | (8.790.886) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 4.252.098 | (4.252.098) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 122.879.868 | 40.472.588 | (56.166.795) | 107.185.661 |
| Tiền thuê đất | - | 187.198.000 | - | 187.198.000 |
| Các loại thuế khác | 698.132.596 | 547.202.506 | (93.896.041) | 1.151.439.061 |
| <i>Thuế GTGT vãng lai</i> | - | 93.896.041 | (93.896.041) | - |
| <i>Lãi phạt chậm nộp thuế</i> | 698.132.596 | 315.000.000 | - | 1.151.439.061 |
| Cộng | <u>1.514.937.006</u> | <u>2.158.404.893</u> | <u>(1.182.418.457)</u> | <u>2.490.923.442</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--------------------------------|-----|
| - Hoạt động xây dựng | 10% |
| - Hoạt động xuất khẩu lao động | 0% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.150.712.061) | (8.186.866.278) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 2.985.163.137 | 348.381.500 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm khác | - | (3.589.333) |
| Thu nhập tính thuế | 834.451.076 | (7.842.074.111) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (834.451.076) | - |
| Thu nhập tính thuế | - | (7.825.440.401) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | - | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thẩm nhạ hạ tầng Ký túc xá đại học Quốc gia | - | 2.627.515.963 |
| Chi phí thi công hạ tầng Ký túc xá đại học Quốc gia | 381.562.766 | 422.330.036 |
| Chi phí sản xuất dầm công trình Đà Nẵng - Quảng Ngãi | 2.432.024.073 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 482.693.778 | 281.528.506 |
| Cộng | 3.296.280.617 | 3.331.374.505 |

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 41.520.516.034 | 36.059.309.932 |
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinacorex) | 34.971.993.530 | 29.510.787.428 |
| - Lãi vay phải trả | 24.306.026.863 | 19.656.058.997 |
| - Chi phí bảo lãnh | 4.033.106.757 | 3.579.865.514 |
| - Các khoản phải trả khác | 6.632.859.910 | 6.274.862.917 |

50044
CÔNG
CH NHIỆ
TOÁN
A &
NH-T.I

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 – phải trả giá trị tài sản góp vốn thừa | 5.786.358.504 | 5.786.358.504 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 – mua cổ phiếu | 762.164.000 | 762.164.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 2.413.173.586 | 2.505.453.487 |
| Kinh phí công đoàn | 67.979.635 | 58.754.567 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp | 162.073.139 | 22.690.795 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 172.755.373 | 172.755.373 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.810.365.439 | 2.051.252.752 |
| Cộng | 43.933.689.620 | 38.564.763.419 |

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan | 40.758.352.034 | 35.297.145.932 |
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) | 34.971.993.530 | 29.510.787.428 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 5.786.358.504 | 5.786.358.504 |
| Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác | 1.183.683.453 | 1.194.574.696 |
| Cổ tức phải trả | 172.755.373 | 172.755.373 |
| Các khoản phải trả khác | 1.010.928.080 | 1.021.819.323 |
| Cộng | 41.942.035.487 | 36.491.720.628 |

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan | 43.600.891.367 | 43.600.891.367 |
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) | | |
| - Vay ngắn hạn ⁽ⁱ⁾ | 10.166.351.033 | 10.166.351.033 |
| - Vay trả nợ thay trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾ | 33.434.540.334 | 33.434.540.334 |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác | 5.508.783.994 | 3.394.286.299 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 | - | 3.394.286.299 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 5.508.783.994 | - |
| Cộng | 49.109.675.361 | 46.995.177.666 |

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thông báo từng lần của Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,3%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thanh toán trái phiếu đến hạn thay cho Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn theo Hợp đồng bảo lãnh số 0293/VC-HĐBL/TCKH ngày 09 tháng 7 năm 2010. Lãi suất của khoản vay này là 9,5%/năm và sẽ thay đổi theo thông báo của Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Hòa để mua vật tư thi công công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi với lãi suất cố định 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc chế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số tiền vay | | Số tiền vay đã trả trong năm | Giảm khác | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | phát sinh trong năm | | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 3.394.286.299 | 41.579.306.452 | (39.462.386.412) | (2.422.345) | 5.508.783.994 |
| Vay Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 43.600.891.367 | - | - | - | 43.600.891.367 |
| Cộng | 46.995.177.666 | 41.579.306.452 | (39.462.386.412) | (2.422.345) | 49.109.675.361 |

18b. Vay dài hạn

Khoản vay tín chấp Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực Long An với lãi suất theo thông báo từng lần của Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,3%, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6,8%).

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Gốc | Lãi | Cộng | Gốc | Lãi | Cộng |
| Bên liên quan | 50.740.016.968 | 24.306.026.863 | 75.046.043.831 | 50.740.016.968 | 19.656.058.997 | 70.396.075.965 |
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 50.740.016.968 | 24.306.026.863 | 75.046.043.831 | | | |
| Các tổ chức và cá nhân | - | - | - | 3.394.286.299 | - | 3.394.286.299 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận | - | - | - | 3.394.286.299 | - | 3.394.286.299 |
| Cộng | 50.740.016.968 | 24.306.026.863 | 75.046.043.831 | 54.134.303.267 | 19.656.058.997 | 73.790.362.264 |

Các khoản vay này chưa được thanh toán do hoạt động kinh doanh bị thu hẹp nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|------------------|--------------------|------------------|
| Quỹ khen thưởng | 7.787.545 | - | 7.787.545 |
| Quỹ phúc lợi | 489.792 | (3.700.000) | (3.210.208) |
| Cộng | 8.277.337 | (3.700.000) | 4.577.337 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các giao dịch hợp nhất (hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết). Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 175.952.322 | 1.376.964.442 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | - | (1.201.012.120) |
| Số cuối năm | 175.952.322 | 175.952.322 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn Cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|---|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 61.014.930.000 | 4.927.267.500 | 5.679.476.250 | (27.119.979.885) | 44.501.693.865 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (6.985.854.158) | (6.985.854.158) |
| Giảm khác | - | - | - | (26.977.369) | (26.977.369) |
| Số dư cuối năm trước | 61.014.930.000 | 4.927.267.500 | 5.679.476.250 | (34.132.811.412) | 37.488.862.338 |
| Số dư đầu năm nay | 61.014.930.000 | 4.927.267.500 | 5.679.476.250 | (34.132.811.412) | 37.488.862.338 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (2.150.712.061) | (2.150.712.061) |
| Số dư cuối năm nay | 61.014.930.000 | 4.927.267.500 | 5.679.476.250 | (36.283.523.473) | 35.338.150.277 |

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 46.524.720.000 | 46.524.720.000 |
| Các cổ đông khác | 14.490.210.000 | 14.490.210.000 |
| Cộng | 61.014.930.000 | 61.014.930.000 |

21c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.101.493 | 6.101.493 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 6.101.493 | 6.101.493 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.101.493 | 6.101.493 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 6.101.493 | 6.101.493 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.101.493 | 6.101.493 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 645.512.138 | 645.512.138 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 628.835.873 | 1.274.348.011 |
| Cộng | <u>1.274.348.011</u> | <u>1.919.860.149</u> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê nhà tại số 39 đường Trương Công Định, Phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 20.000.000 VND/tháng (bao gồm VAT). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê nhà tại lầu 2, số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 39.171.946 VND/tháng (bao gồm VAT). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 08 tháng 11 năm 2013.

22b. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 214.24 | 244.99 |
| Euro (EUR) | 100.00 | - |
| Yên Nhật (JPY) | 2,859,767.00 | 1,140,167.00 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán nguyên vật liệu | - | 90.280.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3.548.656.801 | 1.920.784.121 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 80.680.240.579 | 17.033.609.098 |
| Cộng | <u>84.228.897.380</u> | <u>19.044.673.219</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam – Công ty mẹ với số tiền 69.425.566.769 VND (năm trước là 9.512.364.133 VND).

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán | - | 90.113.663 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 2.406.108.909 | 1.121.772.553 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 71.291.686.332 | 16.715.035.729 |
| Cộng | <u>73.697.795.241</u> | <u>17.926.921.945</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 77.604.248 | 91.395.124 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 61.558.192 | - |
| Cộng | <u>139.162.440</u> | <u>91.395.124</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 5.372.540.902 | 5.257.349.490 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 194.483.855 |
| Phí bảo lãnh | 823.040.350 | - |
| Chi phí khác | 110.000 | - |
| Cộng | <u>6.195.691.252</u> | <u>5.451.833.345</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.136.197.199 | 2.647.911.205 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 12.616.581 | 14.313.728 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 49.169.830 | 154.259.068 |
| Chi phí thuê văn phòng | 332.422.603 | 640.316.140 |
| Chi phí mua ngoài khác | 347.649.811 | - |
| Các chi phí khác | 609.783.825 | 795.094.007 |
| Cộng | <u>4.487.839.849</u> | <u>4.251.894.148</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 330.303.043 |
| Tiền bồi thường | 110.371.811 | - |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | - | 270.000.000 |
| Các khoản phải trả không xác định được chủ nợ | - | 6.989.399 |
| Các khoản thu nhập khác | 547.628.516 | - |
| Cộng | <u>658.000.327</u> | <u>607.292.442</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phí bảo hành | - | 41.547.440 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | - | 231.000.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 315.000.000 | - |
| Các chi phí khác | 132.853.229 | 30.619.518 |
| Cộng | <u>447.853.229</u> | <u>303.166.958</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (2.150.712.061) | (6.985.854.158) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (2.150.712.061) | (6.985.854.158) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 6.101.493 | 6.101.493 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (352) | (1.145) |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 48.465.476.001 | 11.879.938.410 |
| Chi phí nhân công | 8.221.351.589 | 6.981.051.733 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.099.809.260 | 631.189.648 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.664.686.173 | 9.163.326.992 |
| Chi phí khác | 1.369.005.938 | 1.275.069.753 |
| Cộng | 76.820.328.961 | 29.930.576.536 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 567.111.154 VND (năm trước là 555.305.263 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|-----------------------------------|
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 45 | Công ty thành viên của Công ty mẹ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 4.649.967.866 | 4.084.501.155 |
| Phải thu phí bảo lãnh | 294.337.840 | 41.547.440 |
| Phí bảo lãnh phải trả | 453.241.243 | 136.598.975 |
| Tiền thuê văn phòng | 422.115.492 | 427.330.320 |
| Vay trả nợ lãi trái phiếu | - | 1.007.769.778 |
| Vay trả nợ gốc trái phiếu | - | 22.689.621.889 |
| Chi phí khấu trừ tiền ngoài giờ | 167.220.000 | - |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Lãi suất phải trả cho khoản vay Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam là lãi suất thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13, V.14, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn là xây dựng (chiếm 90% tổng doanh thu) và trong một khu vực địa lý là tại Việt Nam.

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|--|---|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.734.345.122 | - | - | 4.734.345.122 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.000.000.000 | - | - | 1.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 12.414.378.711 | 13.069.264.886 | 11.397.179.409 | 36.880.823.006 |
| Các khoản phải thu khác | 12.529.084 | - | - | 12.529.084 |
| Cộng | 18.161.252.917 | 13.069.264.886 | 11.397.179.409 | 42.627.697.212 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.872.539.437 | - | - | 3.872.539.437 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.000.000.000 | - | - | 1.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 6.553.482.303 | 9.885.321.949 | 11.397.179.409 | 27.835.983.661 |
| Các khoản phải thu khác | 12.529.084 | - | - | 12.529.084 |
| Cộng | 11.438.550.824 | 9.885.321.949 | 11.397.179.409 | 32.721.052.182 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Dakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm | 3.183.942.937 | - |
| Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm | - | 2.382.320.000 |
| Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm | 2.382.320.000 | 6.510.789.950 |
| Quá hạn trên 03 năm | 7.503.001.949 | 992.211.999 |
| Cộng | 13.069.264.886 | 9.885.321.949 |

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 16.342.392.202 | - | 16.342.392.202 |
| Vay và nợ | 49.109.675.361 | 7.139.125.601 | 56.248.800.962 |
| Các khoản phải trả khác | 39.647.804.645 | - | 39.647.804.645 |
| Cộng | 105.099.872.208 | 7.139.125.601 | 112.238.997.809 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 15.344.226.963 | - | 15.344.226.963 |
| Vay và nợ | 46.995.177.666 | 7.139.125.601 | 54.134.303.267 |
| Các khoản phải trả khác | 41.958.464.655 | - | 41.958.464.655 |
| Cộng | 104.297.869.284 | 7.139.125.601 | 111.436.994.885 |

Tập đoàn không có khả năng thanh toán nợ do không có lượng tiền thu hồi về kịp thời và các hợp đồng xây dựng bị giảm sút đáng kể do ảnh hưởng chung từ tình hình kinh tế khó khăn. Tuy nhiên các khoản nợ phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 85.712.010.498 VND và 80.250.804.395 VND. Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết sẽ không thu tiền nợ của Tập đoàn khi Tập đoàn chưa có khả năng thanh toán, đồng thời sẽ tiếp tục hỗ trợ bằng cách bảo lãnh hoặc trả thay cho Tập đoàn khi có các khoản nợ phải trả đến hạn thanh toán.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động với đồng tiền giao dịch chủ yếu là JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có tiền gửi ngân hàng với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 2.859.767,00 JPY (số đầu năm là 1,140,167.00 JPY).

Ban Giám đốc Công ty mẹ đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 56.248.800.962 VND (số đầu năm là 54.134.303.267 VND).

Ban Giám đốc Công ty mẹ đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn dùng hợp đồng tiền gửi kỳ hạn gốc 01 năm để ký quỹ, làm cơ sở để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Công ty mẹ giấy phép và bảo đảm hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc đảm bảo thực hiện hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề (xem thuyết minh số V2a).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 47 đường Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.734.345.122 | - | 3.872.539.437 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 36.880.823.006 | (11.397.179.409) | 27.835.983.661 | (11.397.179.409) |
| Các khoản phải thu khác | 12.529.084 | - | 12.529.084 | - |
| Cộng | 42.627.697.212 | (11.397.179.409) | 32.721.052.182 | (11.397.179.409) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 16.342.392.202 | 15.344.226.963 |
| Vay và nợ | 56.248.800.962 | 54.134.303.267 |
| Các khoản phải trả khác | 39.647.804.645 | 41.958.464.655 |
| Cộng | 112.238.997.809 | 111.436.994.885 |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 2.150.712.061 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 36.283.523.473 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 63.601.111.638 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay và không yêu cầu hoàn trả tiền nợ vay cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017




Lê Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Tấn Danh
Kế toán trưởng




Phạm Văn Ngọ
Giám đốc